

BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT

Bạn có thể chủ động kết hợp linh hoạt giữa hai yếu tố tiết kiệm và yếu tố bảo vệ theo nhu cầu bản thân, giúp bạn yên tâm hoạch định và thực hiện kế hoạch tài chính một cách hiệu quả.

Tiết kiệm hiệu quả

- ✓ Thường duy trì hợp đồng vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10, 15 và 20.
- ✓ Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

Bảo vệ tài chính trọn đời và toàn diện

- ✓ Bảo vệ trước những rủi ro không lường trước được trong cuộc sống như: Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn, Ung thư, tử vong.
- ✓ Tặng số tiền bảo hiểm vào các thời điểm bước ngoặt cuộc đời (kết hôn, sinh con) mà không cần bằng chứng sức khỏe, tài chính.
- ✓ Lựa chọn tham gia các quyền lợi bảo hiểm bổ sung để bảo vệ toàn diện trước các rủi ro bệnh hiểm nghèo, chăm sóc sức khỏe, thương tật do tai nạn.

Linh hoạt đáp ứng nhu cầu

- ✓ Linh hoạt đầu tư thêm hoặc rút tiền trong những trường hợp cần thiết.



TRANG THÔNG TIN CƠ BẢN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 3.224,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp	
Bên mua bảo hiểm (BMBH)	Nguyễn Văn A	Nam	30	Văn Phòng

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi tham gia bảo hiểm	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn đóng phí (năm)	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm
Sản phẩm chính An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao	Nguyễn Văn A	30	Nam	Văn Phòng	70	70	1.000.000.000	20.000.000
Sản phẩm bổ sung (*) --- Không có sản phẩm bổ sung --- Tổng phí sản phẩm bổ sung								

Định kỳ đóng phí

Phí bảo hiểm cơ bản

Phí bảo hiểm các sản phẩm bổ sung

Tổng phí bảo hiểm định kỳ

Phí tích lũy dự kiến:

Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
20.000.000	-	-	-
-	-	-	-
20.000.000	-	-	-
-	-	-	-

Lưu ý: Phí tích lũy dự kiến cho năm đầu. Phí tích lũy cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang minh họa của sản phẩm chính.

Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, Phí bảo hiểm cơ bản đã chọn là mức phí tối thiểu của sản phẩm bảo hiểm chính và phải được đóng đầy đủ.

(*) Thời hạn đóng phí và thời hạn bảo hiểm của sản phẩm bổ sung sẽ phụ thuộc vào điều khoản về tái tục.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 17

Dãy số kiểm tra



QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠM THỜI

Nếu NĐBH tử vong do tai nạn trong thời gian bảo hiểm tạm thời, khách hàng sẽ nhận 100.000.000 đồng hoặc tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm (HSYCBH) của cùng một NĐBH, tùy số nào nhỏ hơn Trong trường hợp tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng (tổng phí bảo hiểm tạm tính tại thời điểm nộp HSYCBH) của tất cả các hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của cùng NĐBH lớn hơn 100.000.000 đồng thì chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ các chi phí kiểm tra y tế, nếu có. Thời hạn bảo hiểm tạm thời bắt đầu từ khi BMBH hoàn tất HSYCBH và đóng đủ khoản phí đầu tiên và kết thúc vào ngày Công ty cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc từ chối chấp nhận bảo hiểm hoặc BMBH yêu cầu hủy bỏ HSYCBH, tùy ngày nào đến trước.

Trong trường hợp bảo hiểm tạm thời được chấp thuận chi trả, chúng tôi sẽ không có nghĩa vụ hoàn lại phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng.

Bảo hiểm tạm thời sẽ không được chi trả trong trường hợp NĐBH tự tử, dù trong trạng thái tinh táo hay mất trí. Trong trường hợp này chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi trừ đi chi phí kiểm tra y tế, nếu có.

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH

1. Quyền lợi NĐBH tử vong (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NĐBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được số tiền tổng của:

- ✓ Giá trị tài khoản (GTTK) của hợp đồng được tính tại thời điểm tử vong; và

- ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm tử vong.

Trừ đi quyền lợi bảo hiểm ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

2. Quyền lợi khi NĐBH tử vong do tai nạn (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NĐBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được thêm 100% STBH hiện tại nếu NĐBH tử vong do tai nạn trước khi tròn 65 tuổi nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi tử vong do tai nạn được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm. Tổng quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một Người được bảo hiểm được hưởng bao gồm cả Quyền lợi được hưởng thêm

này không vượt quá hạn mức tối đa theo quy định nêu tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

3. Quyền lợi đối với NĐBH không hút thuốc lá (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NĐBH tử vong, khách hàng sẽ được nhận thêm 10% STBH hiện tại nếu vào thời điểm tử vong NĐBH từ 15 (mười lăm) tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.

4. Quyền lợi khi NĐBH bị Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NĐBH bị TTTB&VV trước khi tròn 70 tuổi, khách hàng sẽ nhận được số tiền tổng của:

- ✓ Giá trị tài khoản (GTTK) của hợp đồng được tính tại thời điểm TTTB&VV; và

- ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm TTTB&VV.

Trừ đi quyền lợi bảo hiểm Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

5. Quyền lợi khi NĐBH mắc bệnh Ung thư (quyền lợi được bảo đảm)

Khách hàng sẽ nhận trước 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại của quyền lợi bảo hiểm tử vong nếu NĐBH mắc bệnh Ung thư trước khi tròn 65 tuổi.

Tổng quyền lợi bảo hiểm liên quan đến bệnh hiểm nghèo và bệnh ung thư của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm với AIA mà một NĐBH được hưởng, bao gồm cả quyền lợi ung thư theo sản phẩm này không vượt quá hạn mức tối đa theo quy định nêu tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

6. Quyền lợi đầu tư

- ✓ Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Chúng tôi cam kết mức lãi suất tối thiểu tích lũy vào tài khoản của khách hàng như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9+
Lãi suất cam kết tối thiểu	5,0%	5,0%	4,5%	4,5%	4,0%	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%

- ✓ Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 17

Dãy số kiểm tra



TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Mức lãi suất tích lũy sẽ được chúng tôi công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

7. Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng (quyền lợi được bảo đảm)

Vào ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ mười, một khoản Thưởng duy trì hợp đồng tương đương với 100% Tổng số tiền tính thưởng sẽ được phân bổ vào GTTK cơ bản. Tương tự, vào các ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 15 và 20, khoản Thưởng duy trì hợp đồng sẽ tương đương với 10% Tổng số tiền tính thưởng. Để được hưởng quyền lợi này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Tổng số tiền tính thưởng là tổng khoản lãi cộng dồn được tính tại ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 6 đến ngày kỷ niệm thứ 10 trong đó khoản lãi của mỗi năm hợp đồng này sẽ được tính bằng 50% khoản lãi được tích lũy vào GTTK cơ bản trong vòng 5 năm trước đó.

8. Quyền lợi đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)

Khách hàng sẽ nhận được toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HĐBH còn hiệu lực và NĐBH còn sống vào thời điểm đáo hạn.

Lưu ý: Trường hợp NĐBH tử vong hoặc TTTB&VV dưới 4 (bốn) tuổi, STBH hiện tại sẽ sử dụng để chi trả được điều chỉnh như sau:

Tuổi của Người được bảo hiểm vào thời điểm tử vong hoặc bị TTTB&VV	Số tiền bảo hiểm hiện tại được điều chỉnh
Dưới 1 tuổi	20% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 1 tuổi đến dưới 2 tuổi	40% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 2 tuổi đến dưới 3 tuổi	60% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 3 tuổi đến dưới 4 tuổi	80% Số tiền bảo hiểm hiện tại

9. Quyền chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản

Khách hàng có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản:

✓ Kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 (hai) và trong thời gian HĐBH còn

hiệu lực; và

- ✓ Trước khi NĐBH tròn 65 (sáu mươi lăm) tuổi.
- ✓ Tối đa 1 (một) lần trong suốt thời hạn hợp đồng.

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Quyền thay đổi STBH

Khách hàng có thể yêu cầu tăng hoặc giảm STBH kể từ ngày kỷ niệm HĐ thứ 2 trở đi và trước khi tròn 65 tuổi nếu đáp ứng các điều kiện thẩm định và quy định của Công ty tại từng thời điểm.

2. Quyền đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con)

Kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 và trước khi NĐBH tròn 65 tuổi khách hàng có thể yêu cầu tăng 25% STBH hiện tại cho mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con mà không cần bằng chứng về sức khỏe và tài chính. Quyền lợi này áp dụng cho hợp đồng được phát hành ở điều kiện chuẩn, tối đa 2 sự kiện trong suốt thời hạn hợp đồng và yêu cầu được gửi đến cho chúng tôi trong vòng 90 ngày kể từ ngày NĐBH kết hôn hoặc sinh con.

3. Quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản

Khách hàng có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 80% từ GTTK cơ bản của hợp đồng kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 17

Dãy số kiểm tra



CÁC LOẠI CHI PHÍ

- Chi phí bảo hiểm rủi ro:** là chi phí để chúng tôi thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.
- Chi phí ban đầu:** là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí tích lũy trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí

Năm đóng phí	1	2	3	4	5+
Phí bảo hiểm cơ bản	90%	80%	30%	20%	1,5%
Phí tích lũy	0%	0%	0%	0%	0%

- Chi phí quản lý hợp đồng:** 30.000 đồng/tháng (360.000 đồng/năm).
Mức chi phí này có thể thay đổi, tối đa là 60.000 đồng/tháng.
- Chi phí quản lý quỹ:** tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung. Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi chúng tôi công bố lãi suất tích lũy.
- Chi phí hủy bỏ hợp đồng:** Không có.
- Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản:** Không có.

Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.



QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BỔ SUNG

Quyền lợi bảo hiểm của những sản phẩm bổ sung bên dưới sẽ được áp dụng nếu khách hàng có yêu cầu tham gia cùng với sản phẩm chính, có đóng phí sản phẩm bổ sung và được chúng tôi chấp thuận bảo hiểm đối với các sản phẩm bổ sung. Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.

1. Bảo hiểm Toàn diện bệnh hiểm nghèo

- Quyền lợi bệnh hiểm nghèo: tùy theo chẩn đoán mức độ mắc bệnh hiểm nghèo, quyền lợi bảo hiểm được chi trả như sau:
 - Mức độ 1: 30% số tiền bảo hiểm (STBH) của sản phẩm bổ sung này;
 - Mức độ 2: 60% STBH của sản phẩm bổ sung này và miễn phí bảo hiểm sản phẩm này kể từ ngày mắc bệnh hiểm nghèo cho đến hết thời hạn hợp đồng của sản phẩm bổ sung này;
 - Mức độ 3: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

Khách hàng có thể yêu cầu thanh toán quyền lợi bảo hiểm nhiều lần nhưng mỗi bệnh hiểm nghèo chỉ được chi trả một lần và tổng số tiền chi trả cho tất cả các bệnh hiểm nghèo không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm này. Bên cạnh đó, quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo theo từng mức độ nêu trên sẽ được chi trả không vượt quá hạn mức tối đa quy định trong Quy tắc, điều khoản của sản phẩm bổ sung này.

- Quyền lợi bảo hiểm vĩnh mạng tiểu đường: 20% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Thương khi không có yêu cầu giải quyết QL BH: Bắt đầu vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 của sản phẩm này và vào (các) ngày kỷ niệm hợp đồng mỗi 5 năm sau đó, khách hàng nhận được 20% tổng phí bảo hiểm đã đóng của sản phẩm này trong 5 năm liền kể trước đó nếu không có bất cứ yêu cầu giải quyết lợi nào được chi trả trong giai đoạn 5 năm này.

2. Bảo hiểm Miễn thu phí bệnh hiểm nghèo

Nếu Người được bảo hiểm mắc bệnh hiểm nghèo, tùy theo mức độ chẩn đoán mắc bệnh hiểm nghèo, khách hàng được miễn phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và các sản phẩm bảo hiểm bổ sung khác đang còn hiệu lực (nếu có), không bao gồm phí tích lũy của dòng sản phẩm liên kết đầu tư, cụ thể như sau:

- Mức độ 1: miễn phí bảo hiểm 60 tháng kể từ ngày đến hạn đóng phí ngay sau ngày được chẩn đoán mắc bệnh nhưng không vượt quá thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này và thời hạn bảo hiểm của sản phẩm chính.
- Mức độ 2 hoặc mức độ 3: miễn phí kể từ ngày đến hạn đóng phí ngay sau ngày được chẩn đoán mắc bệnh cho đến hết thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này và không vượt quá thời hạn bảo hiểm của sản phẩm chính.

3. Bảo hiểm Tử vong do tai nạn

Quyền lợi tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

4. Bảo hiểm Tử vong và thương tật do tai nạn

- Tàn tật hoặc bỏng do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo tỷ lệ thương tật.
- Tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Tàn tật toàn bộ tạm thời do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo tỷ lệ thương tật.
- Tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt: Bên cạnh quyền lợi tử vong do tai nạn, khách hàng sẽ nhận thêm 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.

5. Bảo hiểm Bồi hoàn chi phí nằm viện do tai nạn

- Tử vong do tai nạn: 100% STBH của sản phẩm bổ sung này.
- Gãy xương do tai nạn: % STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 17

Dãy số kiểm tra



mức độ gãy xương.

- Bồi hoàn chi phí điều trị do tai nạn: hỗ trợ chi phí y tế hợp lý, thông thường phát sinh khi nằm viện nội trú để điều trị thương tật do tai nạn trong vòng 52 tuần kể từ ngày xảy ra tai nạn cho cùng một lần nằm viện của một thương tật và tổng số tiền chi trả tối đa cho quyền lợi này trong suốt thời gian tham gia không vượt quá 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này. Các chi phí điều trị phải là các chi phí không được bồi thường theo các chương trình/quy định của chính phủ; hoặc không được bảo hiểm bởi các hợp đồng bảo hiểm khác hoặc không được bồi hoàn/bồi thường theo các quy định, chương trình hay các hợp đồng bảo hiểm đó.

Tổng quyền lợi bảo hiểm có thể chi trả cho một hay nhiều tai nạn gây ra một hay nhiều thương tật không vượt quá 100% STBH của sản phẩm bổ sung này. Việc chi trả chỉ áp dụng một lần cho mỗi thương tật và một khu vực xương bị gãy.

6. Bảo hiểm Bồi hoàn chi phí nằm viện và phẫu thuật

- Hỗ trợ chi phí nằm viện không phải tại khoa sản sóc đặc biệt: 100% STBH/ngày nằm viện. Tối đa 100 ngày/năm.
- Hỗ trợ chi phí nằm viện tại khoa sản sóc đặc biệt: 300% STBH/ngày của sản phẩm bổ sung này. Tối đa 30 ngày/năm.
- Hỗ trợ chi phí phẫu thuật: chi trả chi phí phòng mổ, tiền công ca mổ, chi phí gây mê, gây mê với chi trả tối đa lên đến 20 lần STBH của sản phẩm bổ sung này, tùy theo loại phẫu thuật.
- Hỗ trợ chi phí trước và sau khi nằm viện khi đáp ứng một số điều kiện nhất định: hỗ trợ tiền thuốc, chi phí khám, vật lý trị liệu, tư vấn và xét nghiệm, chi phí chăm sóc y tế tại nhà với tối đa lên đến 200% STBH của sản phẩm bổ sung này.

Tổng số tiền tối đa chi trả cho tất cả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này trong suốt thời hạn hợp đồng là 1.000 lần STBH của sản phẩm

bổ sung này.

7. Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe

- Quyền lợi điều trị nội trú
- Quyền lợi điều trị ngoại trú
- Quyền lợi chăm sóc nha khoa
- Quyền lợi kiểm tra sức khỏe tổng quát.

8. Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe 2.0:

Quyền lợi điều trị nội trú | Quyền lợi điều trị ngoại trú

- Chi trả theo chi phí thực tế nhưng không vượt quá giới hạn năm cho một số Quyền lợi Điều trị nội trú, bao gồm: trước khi nhập viện, sau khi xuất viện, phẫu thuật, phẫu thuật trong ngày, cấy ghép nội tạng, điều trị ung thư và các chi phí y tế nội trú khác.
- Đối với chi phí phòng và giường bệnh, chi trả lên đến 100 ngày/năm cho phòng thường và lên đến 30 ngày/năm cho phòng chăm sóc đặc biệt (ICU), chi trả thêm chi phí giường cho 1 người thân chăm sóc người bệnh, lên đến 30 ngày/năm.
- Gia tăng điều trị ung thư dành cho chẩn đoán Ung thư đầu tiên, kéo dài 24 tháng đồng thời cung cấp Dịch vụ Tư vấn và Quản trị Bệnh án cá nhân – Song Hành Y Tế.
- Bảo lãnh viện phí tại các cơ sở y tế trong hệ thống liên kết.
- Khách hàng sẽ được tham gia thêm Quyền lợi Điều trị ngoại trú nếu đã tham gia Quyền lợi Điều trị nội trú với Chương trình tương đương của Chương trình đã chọn cho Quyền lợi Điều trị nội trú.

9. Bảo hiểm Hỗ trợ chi phí nằm viện

- Hỗ trợ chi phí nằm viện: khách hàng được hỗ trợ chi phí cho mỗi ngày nằm viện là:
 - 100% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bổ sung này nếu:
 - nằm viện ở bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh; hoặc
 - nằm ở bệnh viện tuyến huyện nơi có đăng ký Bảo hiểm y tế (BHYT); hoặc

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 17

Dãy số kiểm tra



TRANG THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

- nằm ở bệnh viện tuyến huyện để điều trị tai nạn.

- 50% STBH nếu NĐBH nằm viện ở bệnh viện tuyến huyện nơi không có đăng ký Bảo hiểm y tế (BHYT) hoặc không điều trị thương tích do tai nạn.

Tổng quyền lợi bảo hiểm được chi trả cho 02 trường hợp nêu trên sẽ không vượt quá 365 ngày cho mỗi lần nằm viện và cùng một lần nằm viện.

- Trợ cấp khi nằm tại khoa săn sóc đặc biệt: 200% STBH/ngày nằm viện tại khoa săn sóc đặc biệt của Bệnh viện đủ tiêu chuẩn tuyến trung ương, tuyến tỉnh hoặc tại bệnh viện nơi có đăng ký khám chữa bệnh bằng BHYT. Tối đa là 25 ngày cho mỗi lần nằm viện và cùng một lần nằm viện.

Tổng quyền lợi bảo hiểm có thể chi trả cho sản phẩm bổ sung này tối đa 1.000 ngày nằm viện.

10. Bảo hiểm Miễn thu phí đặc biệt

Khi NĐBH của sản phẩm này tử vong hoặc bị TTTB&VV, khách hàng sẽ được:

- ✓ Khách hàng sẽ được miễn phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và các sản phẩm bảo hiểm bổ sung khác đang còn hiệu lực tham gia cùng với HĐBH này, không bao gồm phí tích lũy của dòng sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư; và
- ✓ Nhận ngay quyền lợi hỗ trợ tài chính là 200% STBH của sản phẩm bổ sung này nếu quyền lợi miễn thu phí được chấp thuận giải quyết.

11. Bảo hiểm Nằm viện và Phẫu thuật

Khách hàng sẽ được chi trả các Chi phí y tế như: điều trị bệnh, nằm viện, phẫu thuật, tai nạn, ung thư theo hạn mức tối đa của từng loại chi phí như dưới đây. Ngoài ra, đối với chương trình Nâng cao, khách hàng được cung cấp thêm quyền lợi điều trị ngoại trú.

Lưu ý:

Nội dung về các sản phẩm bổ sung trên đây chỉ mang tính giới thiệu tóm lược. Mọi quy định, điều kiện và quyền lợi bảo hiểm bổ sung sẽ được thực hiện theo Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ sung.

Đơn vị: đồng

Quyền lợi	Áp dụng theo	Chương trình Cơ bản	Chương trình Nâng cao	
Điều trị nội trú				
1	Phòng và giường bệnh (tối đa 60 ngày/ năm)	500.000	800.000	
2	Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 30 ngày/ năm)		1.000.000	1.600.000
3	Phẫu thuật	Mỗi lần điều trị	12.000.000	20.000.000
4	Phẫu thuật trong ngày		6.000.000	10.000.000
5	Điều trị sau khi xuất viện		500.000	1.000.000
6	Chi phí y tế nội trú khác		6.000.000	10.000.000
7	Cấp cứu	Mỗi lần cấp cứu	1.000.000	2.000.000
8	- Chạy thận nhân tạo, - Điều trị Ung thư bằng phương pháp xạ trị hoặc hóa trị	Mỗi năm hợp đồng	20.000.000	40.000.000
Điều trị ngoại trú				
9	Điều trị ngoại trú	Mỗi năm hợp đồng	Không áp dụng	1.000.000

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 8 | 17

Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí bảo hiểm cơ bản	Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí tích lũy	Phí bảo hiểm được phân bổ	Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
1	30	20.000	20.000			2.000	18.000	2.230	360
2	31	20.000	20.000			4.000	16.000	2.240	360
3	32	20.000	20.000			14.000	6.000	2.300	360
4	33	20.000	20.000			16.000	4.000	2.410	360
5	34	20.000	20.000			19.700	300	2.540	360
6	35	20.000	20.000			19.700	300	2.670	360
7	36	20.000	20.000			19.700	300	2.770	360
8	37	20.000	20.000			19.700	300	2.910	360
9	38	20.000	20.000			19.700	300	3.060	360
10	39	20.000	20.000			19.700	300	3.220	360
11	40	20.000	20.000			19.700	300	3.370	360
12	41	20.000	20.000			19.700	300	3.530	360
13	42	20.000	20.000			19.700	300	3.730	360
14	43	20.000	20.000			19.700	300	3.960	360
15	44	20.000	20.000			19.700	300	4.270	360
16	45	20.000	20.000			19.700	300	4.560	360
17	46	20.000	20.000			19.700	300	4.890	360
18	47	20.000	20.000			19.700	300	5.430	360
19	48	20.000	20.000			19.700	300	5.970	360
20	49	20.000	20.000			19.700	300	6.460	360
21	50	20.000	20.000			19.700	300	7.430	360
22	51	20.000	20.000			19.700	300	8.190	360

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 9 | 18

Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ
AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí bảo hiểm cơ bản	Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí tích lũy	Phí bảo hiểm được phân bổ	Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
23	52	20.000	20.000			19.700	300	9.410	360
24	53	20.000	20.000			19.700	300	10.460	360
25	54	20.000	20.000			19.700	300	11.490	360
26	55	20.000	20.000			19.700	300	13.260	360
27	56	20.000	20.000			19.700	300	14.430	360
28	57	20.000	20.000			19.700	300	16.050	360
29	58	20.000	20.000			19.700	300	17.380	360
30	59	20.000	20.000			19.700	300	18.170	360
31	60	20.000	20.000			19.700	300	19.810	360
32	61	20.000	20.000			19.700	300	21.030	360
33	62	20.000	20.000			19.700	300	22.450	360
34	63	20.000	20.000			19.700	300	24.870	360
35	64	20.000	20.000			19.700	300	27.320	360
36	65	20.000	20.000			19.700	300	30.860	360
37	66	20.000	20.000			19.700	300	34.210	360
38	67	20.000	20.000			19.700	300	35.230	360
39	68	20.000	20.000			19.700	300	36.270	360
40	69	20.000	20.000			19.700	300	40.770	360
41	70	20.000	20.000			19.700	300	44.170	360
42	71	20.000	20.000			19.700	300	42.750	360
43	72	20.000	20.000			19.700	300	46.260	360
44	73	20.000	20.000			19.700	300	50.840	360

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 18

Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí bảo hiểm cơ bản	Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí tích lũy	Phí bảo hiểm được phân bổ	Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
45	74	20.000	20.000			19.700	300	55.780	360
46	75	20.000	20.000			19.700	300	61.180	360
47	76	20.000	20.000			19.700	300	67.120	360
48	77	20.000	20.000			19.700	300	73.650	360
49	78	20.000	20.000			19.700	300	80.640	360
50	79	20.000	20.000			19.700	300	88.160	360
51	80	20.000	20.000			19.700	300	96.250	360
52	81	20.000	20.000			19.700	300	105.010	360
53	82	20.000	20.000			19.700	300		
54	83	20.000	20.000			19.700	300		
55	84	20.000	20.000			19.700	300		
56	85	20.000	20.000			19.700	300		
57	86	20.000	20.000			19.700	300		
58	87	20.000	20.000			19.700	300		
59	88	20.000	20.000			19.700	300		
60	89	20.000	20.000			19.700	300		
61	90	20.000	20.000			19.700	300		
62	91	20.000	20.000			19.700	300		
63	92	20.000	20.000			19.700	300		
64	93	20.000	20.000			19.700	300		
65	94	20.000	20.000			19.700	300		
66	95	20.000	20.000			19.700	300		

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 18

Dãy số kiểm tra



BẢNG MINH HỌA CÁC LOẠI CHI PHÍ AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Phí bảo hiểm cơ bản	Tổng phí sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí tích lũy	Phí bảo hiểm được phân bổ	Chi phí ban đầu	Chi phí bảo hiểm rủi ro tại mức lãi suất cam kết	Chi phí quản lý hợp đồng
67	96	20.000	20.000			19.700	300		
68	97	20.000	20.000			19.700	300		
69	98	20.000	20.000			19.700	300		
70	99	20.000	20.000			19.700	300		

Lưu ý:

- Chi phí bảo hiểm rủi ro được thể hiện trong bảng minh họa này dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc do tính chất nghề nghiệp. Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty.
- Quý khách cần phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với quyền lợi của mình.
- Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí của sản phẩm bổ sung sẽ không ảnh hưởng đến việc tính toán Giá trị tài khoản.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 18

Dãy số kiểm tra

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Quyền lợi đầu tư đảm bảo		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
						GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD
1	30	20.000	1.000.000	2.000.000	250.000						
2	31	20.000	1.000.947	2.000.947	250.000		947		947		1.003
3	32	20.000	1.012.895	2.012.895	250.000		12.895		12.963		13.293
4	33	20.000	1.027.358	2.027.358	250.000		27.358		27.566		28.470
5	34	20.000	1.045.978	2.045.978	250.000		45.978		46.652		48.533
6	35	20.000	1.064.890	2.064.890	250.000		64.890		66.558		69.866
7	36	20.000	1.083.947	2.083.947	250.000		83.947		87.357		92.588
8	37	20.000	1.102.924	2.102.924	250.000		102.924		109.052		116.755
9	38	20.000	1.121.619	2.121.619	250.000		121.619		131.677		142.459
10	39	20.000	1.164.884	2.164.884	250.000	24.357	164.884	41.885	197.155	61.067	230.863
11	40	20.000	1.184.506	2.184.506	250.000		184.506		223.868		264.232
12	41	20.000	1.204.358	2.204.358	250.000		204.358		251.752		299.772
13	42	20.000	1.224.405	2.224.405	250.000		224.405		280.824		337.591
14	43	20.000	1.244.620	2.244.620	250.000		244.620		311.114		377.819
15	44	20.000	1.267.362	2.267.362	250.000	2.436	267.362	4.189	346.789	6.107	426.649
16	45	20.000	1.287.830	2.287.830	250.000		287.830		379.761		472.489
17	46	20.000	1.308.374	2.308.374	250.000		308.374		414.043		521.195
18	47	20.000	1.328.783	2.328.783	250.000		328.783		449.485		572.750

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 18

Dãy số kiểm tra

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Quyền lợi đầu tư đảm bảo		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
						GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD
19	48	20.000	1.349.054	2.349.054	250.000		349.054		486.144		627.354
20	49	20.000	1.371.672	2.371.672	250.000	2.436	371.672	4.189	528.321	6.107	691.379
21	50	20.000	1.391.325	2.391.325	250.000		391.325		567.423		752.772
22	51	20.000	1.410.603	2.410.603	250.000		410.603		607.699		817.674
23	52	20.000	1.429.034	2.429.034	250.000		429.034		648.737		885.854
24	53	20.000	1.446.771	2.446.771	250.000		446.771		690.748		957.716
25	54	20.000	1.463.823	2.463.823	250.000		463.823		733.801		1.033.541
26	55	20.000	1.479.426	2.479.426	250.000		479.426		777.190		1.112.837
27	56	20.000	1.494.159	2.494.159	250.000		494.159		821.547		1.196.469
28	57	20.000	1.507.549	2.507.549	250.000		507.549		866.458		1.284.275
29	58	20.000	1.519.862	2.519.862	250.000		519.862		912.250		1.376.848
30	59	20.000	1.531.623	2.531.623	250.000		531.623		959.519		1.475.081
31	60	20.000	1.541.962	2.541.962	250.000		541.962		1.007.468		1.578.489
32	61	20.000	1.551.274	2.551.274	250.000		551.274		1.056.561		1.687.869
33	62	20.000	1.559.337	2.559.337	250.000		559.337		1.106.651		1.803.433
34	63	20.000	1.565.116	2.565.116	250.000		565.116		1.156.760		1.924.576
35	64	20.000	1.568.533	2.568.533	250.000		568.533		1.206.859		2.051.656
36	65	20.000	1.568.440	1.568.440			568.440		1.255.828		2.183.960

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 18

Dãy số kiểm tra

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Quyền lợi đầu tư đảm bảo		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
						GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD
37	66	20.000	1.564.960	1.564.960		564.960		1.303.805		2.322.049	
38	67	20.000	1.560.379	1.560.379		560.379		1.353.134		2.468.745	
39	68	20.000	1.554.655	1.554.655		554.655		1.403.861		2.624.632	
40	69	20.000	1.544.267	1.544.267		544.267		1.452.503		2.786.762	
41	70	20.000	1.530.236	1.530.236		530.236		1.500.086		2.956.713	
42	71	20.000	1.517.359	1.517.359		517.359		1.551.506		3.140.035	
43	72	20.000	1.500.677	1.500.677		500.677		1.601.894		3.332.547	
44	73	20.000	1.479.031	1.479.031		479.031		1.650.097		3.533.783	
45	74	20.000	1.451.959	1.451.959		451.959		1.695.638		3.743.980	
46	75	20.000	1.418.888	1.418.888		418.888		1.737.910		3.963.288	
47	76	20.000	1.379.151	1.379.151		379.151		1.776.197		4.191.785	
48	77	20.000	1.332.019	1.332.019		332.019		1.809.692		4.429.502	
49	78	20.000	1.276.878	1.276.878		276.878		1.837.684		4.676.606	
50	79	20.000	1.213.034	1.213.034		213.034		1.859.354		4.933.206	
51	80	20.000	1.139.735	1.139.735		139.735		1.873.800		5.199.374	
52	81	20.000	1.056.115	1.056.115		56.115		1.879.972		5.475.085	
53	82	20.000	(*)	(*)	(*)	(*)		1.876.739		5.760.281	
54	83	20.000						1.862.942		6.054.931	

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 15 | 18

Dãy số kiểm tra

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm dự tính	Quyền lợi bảo hiểm đảm bảo			Quyền lợi đầu tư đảm bảo		Quyền lợi đầu tư không đảm bảo			
						GTTK tại mức lãi suất cam kết		GTTK tại mức lãi suất 5%/năm		GTTK tại mức lãi suất 7%/năm	
			TTTB&VV (đến 70 tuổi)/ Quyền lợi tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD	Thưởng duy trì hợp đồng	GTTK tại cuối năm HD
55	84	20.000							1.837.385		6.359.022
56	85	20.000							1.790.198		6.663.835
57	86	20.000							1.712.155		6.961.194
58	87	20.000							1.602.443		7.251.313
59	88	20.000							1.450.607		7.524.722
60	89	20.000							1.247.536		7.773.174
61	90	20.000							985.093		7.989.290
62	91	20.000							656.182		8.166.634
63	92	20.000							254.808		8.299.795
64	93	20.000							(*)		8.383.554
65	94	20.000									8.411.350
66	95	20.000									8.375.292
67	96	20.000									8.266.075
68	97	20.000									8.072.871
69	98	20.000									7.784.075
70	99	20.000									7.387.870

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 16 | 18

Dãy số kiểm tra

Lưu ý:

1. Trong mọi trường hợp, khách hàng chỉ nhận được một trong hai quyền lợi tử vong: Không do tai nạn hoặc do tai nạn. Quyền lợi tử vong do Tai nạn chỉ được chi trả khi NDBH tử vong do Tai nạn trong khoảng thời gian có kỳ Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn đã được đóng đầy đủ và đúng hạn.
2. Quyền lợi bảo hiểm Ung thư đã được chi trả (nếu có) sẽ được khấu trừ trước khi chi trả Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc TTTB&VV.
3. Giá trị tài khoản được thể hiện trong bảng là tổng Giá trị tài khoản tích lũy, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì hợp đồng được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
4. (*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0
5. Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 17 | 18

Dãy số kiểm tra



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa này, tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu 5%/năm trong 2 năm hợp đồng đầu tiên, 2 năm hợp đồng tiếp theo là 4.5%/năm; từ năm hợp đồng thứ 5 đến năm hợp đồng thứ 8 lần lượt là 4%/năm; 3.5%/năm; 3%/năm; 2.5%/năm và bằng 2%/năm từ năm hợp đồng thứ 9 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
- Tất cả các mức lãi suất thể hiện trong bảng minh họa là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo.
- Tham gia Hợp đồng An Phúc Trọn Đời Ưu Việt là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì Hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm tối thiểu theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả.
- Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm.
- Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang và là một phần của Hợp đồng bảo hiểm. Các quyền lợi được minh họa tại Bảng minh họa Hợp đồng bảo hiểm chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/ Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Ký tên

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm An Phúc Trọn Đời Ưu Việt - Quyền lợi bảo hiểm nâng cao và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Ký tên

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 18 | 18

Dãy số kiểm tra